



zhǒng mù

冢墓

noun · tomb, grave

Example Sentence

Gǔ dài dì wáng zhǒng mù guī mó hóng dà lìng rén jīng tàn
古代帝王冢墓规模宏大，令人惊叹。

The tombs of ancient emperors are grand in scale and awe-inspiring.

Trace each character, then write the word on your own.

冢	冢	冢	冢	冢	冢	冢	冢	冢	冢	冢
冢	冢									

墓	墓	墓	墓	墓	墓	墓	墓	墓	墓	墓
墓	墓	墓	墓	墓						
